

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-PT  
Ngày: 09-4-2026  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đặng Phi Long  
**Các Thẩm phán:** Ông Trần Văn Nghĩa  
Bà Đỗ Thu Hương  
**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thu Thủy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.  
**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2026/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2025/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2026/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thanh H, sinh ngày 09/08/1993, Căn cước công dân số 025193013764, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/05/2021.

Địa chỉ: Khu A, xã V, tỉnh Phú Thọ - Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến S, sinh ngày 17/11/1978, Căn cước công dân số 015078001485, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/04/2021. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lào Cai.

- **Người kháng cáo:** Anh Nguyễn Tiến S là Bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thanh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thanh H và anh Nguyễn Tiến S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào ngày 08-11-2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chị gái anh S, tại địa chỉ: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ được 01 năm thì vợ chồng chuyển về sống tại số nhà C, đường M, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái nay là số nhà C, đường M, xã T, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, thì đến tháng 5 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống hàng ngày không hòa hợp, mỗi người một chính kiến và cũng từ đó anh S, chị H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Trong thời gian sống ly thân, ngày 18-12-2023 anh S bị cơ quan công an bắt giữ và phải đi chấp hành án, đến ngày 20-9-2025 anh S chấp hành án xong. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai giải quyết cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến S.

Về con chung: Chị Đỗ Thanh H và anh Nguyễn Tiến S xác định có 01 con chung là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 28-8-2019. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu M cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thanh H và anh Nguyễn Tiến S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Tiến S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh S công nhận lời trình bày của chị Đỗ Thanh H về thời gian và địa điểm kết hôn, địa điểm sinh sống là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì anh S bị bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đi chấp hành án, đến ngày 20-9-2025, anh S chấp hành án xong. Trong thời gian anh S đi chấp hành án thì chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và hiện nay đang có thai. Nay, chị H làm đơn xin ly hôn, anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn vì vậy anh S không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Tiến S xác định có 01 con chung là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 28-8-2019. Nếu phải ly hôn, anh S có nguyện vọng được nuôi cháu M và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Tiến S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 58/2025/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã quyết định: *Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số*

326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Tiến S.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Tiến S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 28-8-2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Đỗ Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23-01-2026, anh Nguyễn Tiến S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 58/2025/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để gia đình quay về đoàn tụ và đảm bảo quyền lợi cho anh Nguyễn Tiến S và cháu Nguyễn Tuấn M.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến S giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định và hợp lệ.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Tiến S, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/2025/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Tiến S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai, xem xét tại phiên tòa, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Tiến S trong hạn luật định, đơn kháng cáo đúng, đủ về hình thức và nội dung. Nên kháng cáo của đương sự là hợp lệ và được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Đỗ Thanh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Tiến S, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đỗ Thanh H và anh Nguyễn Tiến S đều công nhận anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào ngày 08/11/2018 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 50/2018). Bản án sơ thẩm nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thanh H và anh Nguyễn Tiến S là hợp pháp, được pháp luật công nhận là có căn cứ.

Theo chị H, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống chung không hòa hợp, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Vì vậy, chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ sống ly thân anh S không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Theo anh S thì sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2023 khi anh S bị bắt thì phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian anh S đi chấp hành án thì chị H có quan hệ với người đàn ông khác và hiện nay đang có thai. Cũng tại cấp phúc thẩm, chị H thừa nhận trong thời gian anh S đi chấp hành án chị H quan hệ bất chính với người đàn ông khác và đã sinh con tại Trung tâm y tế khu vực T vào ngày 24-01-2026 nhưng chưa làm giấy khai sinh. Lời khai của chị H phù hợp với lời khai của anh S. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện giải quyết cho chị H được ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh S kháng cáo, cho rằng tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị H vẫn còn, nhưng anh S không đưa ra được giải pháp khắc phục mâu thuẫn nên việc anh S đề nghị hủy bản án sơ thẩm để vợ chồng quay về đoàn tụ là không có căn cứ.

[2.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị H và anh S đều xác định có 01 (một) con chung là Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 28-8-2019. Khi ly hôn, anh Nguyễn Tiến S có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tuấn M đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chị H không cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của anh S cũng phù hợp với ý kiến của chị H nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn M cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ.

[2.3] Về vấn đề khác:

Tại cấp phúc thẩm chị H đã nộp 01 bản sao chứng thực giấy chứng sinh số 00038.GCS.25009.26 ngày 24-01-2026 của Trung tâm Y tế K để chứng minh việc chị đã sinh con vào ngày 24-01-2026. Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung*. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh S, chị H vẫn không thừa nhận đó là con chung và trong vụ án này các đương sự đều không có yêu cầu xác định cha, mẹ cho con nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết. Trường hợp khi có người yêu cầu thì sẽ được xem xét, giải quyết trong vụ án khác.

[3] Tại cấp phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Tiến S không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Tiến S. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 58/2025/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Nguyễn Tiến S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu

Ký hiệu: BLTU/26E Số: 0000312 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai ngày 26-01-2026. Anh Nguyễn Tiến S đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 2, TANDTC;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- CQ THADS tỉnh Lào Cai;
- TAND khu vực 3 – Lào Cai;
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Phi Long**